

CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ IN THIÊN HÀ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO VÀ IN THIÊN HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN HA ADVERTISING AND PRINTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108048649

3. Ngày thành lập: 06/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 54B, Ngõ 4 Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo	1073
2.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
3.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
4.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	1079
5.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
6.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
7.	Sản xuất rượu vang	1102
8.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
9.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10.	Sản xuất sợi	1311
11.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
12.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
13.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
14.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
15.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
16.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
17.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
18.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
19.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
20.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
21.	Sản xuất giày dép	1520
22.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610

23.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
24.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
25.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
26.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
27.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
28.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
29.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
30.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
31.	Sao chép bản ghi các loại	1820
32.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
33.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
34.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
35.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Đúc sắt, thép	2431
38.	Đúc kim loại màu	2432
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
41.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
44.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
45.	Sản xuất nhạc cụ	3220
46.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
47.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ loại nhà nước cấm)	3240
48.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
51.	Xây dựng công trình công ích	4220
52.	Phá dỡ	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò, nổ mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy;	4329
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
59.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
62.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
66.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
67.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
70.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng); - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
74.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động của nhà đấu giá (bán lẻ))	4774
75.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
76.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
77.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
80.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
81.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
82.	Bốc xếp hàng hóa	5224
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự;	5510
84.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên (không bao gồm kinh doanh bất động sản); - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu;	5590

85.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;	5610
86.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
87.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
88.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar)	5630
89.	Xuất bản phần mềm	5820
90.	Hoạt động hậu kỳ	5912
91.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
92.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
93.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ loại nhà nước cấm)	2420
94.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
95.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá mô tô, xe máy)	4541
96.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
97.	Bán buôn gạo	4631
98.	Bán buôn thực phẩm	4632
99.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
100.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm);	4649
101.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
102.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
103.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

104.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
105.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
106.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
107.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
108.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
109.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
110.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
111.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
112.	Lập trình máy vi tính	6201
113.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
114.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
115.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
116.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản;	6820

117.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Lập quy hoạch xây dựng; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Giám sát thi công xây dựng;	7110
118.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
119.	Quảng cáo	7310
120.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
121.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
122.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
123.	Cho thuê xe có động cơ	7710
124.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
125.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
126.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
128.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
129.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;	7830
130.	Đại lý du lịch	7911
131.	Điều hành tua du lịch	7912
132.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
133.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
134.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
135.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
136.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
137.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
138.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
139.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
140.	Dịch vụ đóng gói	8292
141.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299(Chính)
142.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
143.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
144.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
145.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
146.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
147.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
148.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
149.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
150.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9524
151.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
152.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
153.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
154.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
155.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý;	4610

156.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ kinh doanh động vật sống)	4620
157.	Bán buôn đồ uống	4633
158.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
159.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
160.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	2399
161.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
162.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
163.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
164.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
165.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
166.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
167.	Xây dựng nhà các loại	4100
168.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
169.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
170.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
171.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
172.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
173.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
174.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
175.	Sản xuất giống thủy sản	0323
176.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
177.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
178.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
179.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
180.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

181.	In ấn	1811
182.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
183.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
184.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
185.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
186.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
187.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
188.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
189.	Xay sát và sản xuất bột thô	1061
190.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
191.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
192.	Sản xuất đường	1072

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TẠ QUANG SANG	Số nhà 54B, Ngõ 4 Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.000.000.000	90,000	001091007805	
2	PHAN HUY CƯỜNG	Số 16, Ngõ 1 Ao Sen, Tổ dân phố 4, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	10,000	001083008492	

8. Người đại diện theo pháp luật:

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội